

Bụt hay Phật? (phần 1)

[*Tác giả chân thành cảm ơn bác Nguyễn.Ng qua nhiều trao đổi trên diễn đàn Viện Việt Học, California, Hoa Kỳ*]

Nguyễn Cung Thông

nguyencungthong@yahoo.com

Bài này là một phần trong loạt bài viết về "Bụt hay Phật". Bài đăng lần đầu tiên qua chủ đề "Biết-Bụt-Phật" trên tạp chí Y Học Thường Thức, số 38 - tháng 5/6 năm 2000 (California, Hoa Kỳ). Khuynh hướng dùng từ Bụt như từ 'mới' thấy rõ nét trong vòng hai mươi năm trở lại, nhất là qua các bài viết của Thiền Sư Nhất Hạnh. Phần này sẽ đưa ra các dữ kiện ngôn ngữ văn hoá minh chứng từ Bụt (Nôm lồi) là dạng cổ hơn của từ Phật Hán Việt, do đó khuynh hướng dùng từ Bụt không phải là 'mới' như nhiều người lầm tưởng mà thật ra là 'cổ', và cổ lắm ... Không phải tình cờ mà GS Joseph Edkins (trong "Chinese Buddhism" Chương XXV, 1893) đã từng đưa ra dạng âm cổ của nó (Phật đọc theo giọng Bắc Kinh hiện đại) chính là But : ông hoàn toàn không biết Bụt đã có mặt trong tiếng Việt từ lâu! Chuyển xe luân hồi (samsara संसार) không chỉ chuyên chở nhân sinh, lịch sử mà còn ngôn ngữ con người chăng?

Ngôn Ngữ Học (Linguistics, đặc biệt là Ngôn Ngữ Học Lịch Sử/Historical Linguistics) bước vào một giai đoạn mới khi các nhà nghiên cứu bắt đầu thiết lập hệ thống so sánh các dữ kiện ngôn ngữ một cách khách quan¹, không những thế - qua các khám phá (định luật, thống kê) tìm ra - nhiều khám phá mới cũng bắt đầu ra đời rất khẩn kít với dữ kiện từ ngôn ngữ (càng ngày càng thấu nhận nhiều và chính xác hơn so với thời xưa). Ngôn Ngữ Học từ đó đã thoát khỏi quỹ đạo của truyền thống khoa học nhân văn để tiến dần đến một khoa học chính xác hơn. Điển hình là các quan hệ giữa phụ âm đầu trong tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, La Tinh, Đức ... mà ta khá quen thuộc. Thí dụ như định luật Grimm có liên hệ trực tiếp đến chủ đề bài viết này. Định luật âm thanh Grimm (Grimm's law hay còn gọi là Rask's-Grimm's law, First Germanic sound shift) ra đời vào khoảng 1822. Người đọc có thể xem chi tiết về định luật này trên mạng

http://en.wikipedia.org/wiki/Grimm%27s_law . Luật này ghi nhận sự tương đồng về phụ âm đầu trong ngữ hệ Ấn Âu (Indo-European languages) như các âm mạnh (strong sounds) trở thành âm yếu

hơn (weak sounds) : ví dụ **b, d, g** trở thành **p, t, k** và sau đó thành **f, θ, x** ...v.v... Thí dụ fish (cá, tiếng Anh), Fisch (Đức) là poisson (Pháp), pez (Tây Ban Nha), piscis (La Tinh) ... warp (cong vòng, tiếng Anh), vārpa (Thụy Điển), werpen (Hà Lan), verber (La Tinh) ... Theo thiên ý và với khuynh hướng biến âm tự nhiên của tiếng nói (các phụ âm cùng vị trí phát âm ở môi và răng) nên luật Grimm không chỉ hiện diện trong ngữ hệ Ấn Âu, nhưng còn có thể áp dụng cho các ngữ hệ

khác nữa. Thí dụ như tiếng Kara (ở New Ireland, thuộc Papua New Guinea)² có các tương quan (b-p-f/ph) như sau

*bulan > fulan (mặt trăng)

*tapine > tefin (đàn bà)

...

Nhìn lại các ngôn ngữ vùng Đông Nam Á, nhất là tiếng Hán, Hán Việt : không phải ngẫu nhiên mà **Phục** Hy 伏羲 hay 宓戲 còn có các tên gọi khác là **Bào** Hy (庖羲), **Bao** Hy (包羲) ... Phần này chỉ giới hạn vào biến âm **b > p > f (ph-)** trong tiếng Hán, Hán Việt (HV) và Việt. Các dữ kiện ngôn ngữ trong bài không có trích nguồn vì rất dễ kiểm tra lại, ngoại trừ một số tài liệu Ngôn Ngữ Học hay nguồn dữ liệu đặc biệt quan trọng cho bài này. Các chữ có dấu hoa thị (asterisk) đứng trước là dạng âm cổ phục nguyên (reconstructed form). Người viết sẽ tránh dùng các thuật ngữ Phật Giáo, Ngôn Ngữ Học ... để bạn đọc cảm nhận các nhận xét và dữ kiện trong bài dễ dàng hơn. Không nên lẫn lộn số thứ tự cho phụ chú và thanh điệu trong bài. Phần sau chúng tôi phân nào hiện tượng Bụt-Phật trong tiếng Việt thật ra chỉ là một trường hợp phản ánh khá rõ nét các âm cổ Việt còn tồn tại so với các âm Hán Việt nhập ngược vào có hệ thống hơn từ thời Đường Tống, cũng như trường hợp tên gọi 12 con giáp vậy. Nhìn rộng ra hơn, đạo Phật qua tiếng Phạn và kinh điển đã làm vốn từ tiếng Hán trở nên rất phong phú. Có học giả Trung Quốc, như GS Peter Hu (Đại Học Jiangsu) trong bài viết "Adapting English to Chinese", từng ước tính vốn từ Hán (Cổ) tăng thêm khoảng 35000 chữ mượn⁶ từ tiếng Phạn và kinh Phật; Hay xem thêm phần 4.1 bên dưới hay chi tiết trên mạng vi.wikipedia địa chỉ <http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt> hay bài viết <http://www.khoahoc.net/baivo/nguyencungthong/150109-muoihaicongiap-suu-2.htm>

1. Giới thiệu tổng quát

Hai từ Bụt và Phật đã để lại dấu ấn sâu đậm trong ngôn ngữ lịch sử Việt Nam, vết tích còn thấy trong ca dao tục ngữ của văn hoá dân gian như thành ngữ *ấn chay niệm Phật* và

“Gần chùa gọi Bụt bằng anh, của Bụt lại thiêu cho Bụt, của Bụt trả Bụt (của 'chùa' hay của không tự làm ra thì không bền, dễ đến dễ đi), bẻ tay Bụt ngày rằm, Bụt trên toà sao gà mổ mắt, Bụt (chùa) nhà không thiêng, Bụt chùa nhà không thiêng đi câu Thích Ca ngoài đường, Bụt không thêm ăn mà ma, Bụt nhiều oán tít, ngôi như bụt ốc (ngôi như phỗng), chùa nát có Bụt vàng (chùa đất có Phật vàng), lành như Bụt, hiền như Bụt (hiền như đất, hiền như phỗng đất, hiền như cục bột), đất Bụt ném chim giò, Dù xây chín đợt phù-đồ - Không bằng làm phúc cứu cho một người, Đi với Bụt mặc áo cà-sa - Đi với ma mặc áo giấy ...v.v...”

Hay

Miệng na mô (nam mô) bụng bỏ dao găm (thành ngữ)

Đất vua chùa làng, phong cảnh Bụt (thơ cổ)

Sư rằng cửa Bụt thênh thênh (Nhị Độ Mai)

Chỉ mong cầu khẩn Bụt Trời (Nhị Độ Mai)

Chín Bụt là lòng

(Cư Trần Lạc Đạo)

Vẹn như chẳng bén, Bụt là lòng

(Nguyễn Trãi)

Chưa dễ ai là Bụt Thích Ca/Mọi điều nhân nghĩa nhân thì qua (Nguyễn Bình Khiêm)

...v.v...

Khác với Bụt chỉ thấy trong tiếng Việt, Phật cũng có mặt trong ca dao tục ngữ trong văn hoá Trung Quốc và Việt Nam - nhưng chiều ảnh hưởng rõ ràng là từ Trung Quốc qua VN :

Phật tâm xà khẩu 佛心蛇口 (thường nghe *Phật khẩu tâm xà* hay *khẩu Phật tâm xà* ... hơn)³

Phật khẩu thánh tâm 佛口聖心, *A Phật mạ tổ* 啊佛罵祖 (dám nói dám làm ...)

Giản Phật thiêu hương 揀佛燒香 (chọn Phật mà cúng, ra vẻ tốt lành bề ngoài để lợi dụng ...)

Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật 放下屠刀, 立地成佛 (bỏ quá khứ xấu để trở thành người tốt/Phật ngay ...)

(Lâm thời) bảo Phật cước 臨時抱佛腳 (có chuyện mới tới cầu Phật - tục ngữ nhập vào Trung Quốc thời Đông Hán. Văn hoá dân gian VN còn truyền tụng "*Ngày thường không thắp hương, gặp nạn đến ôm chân Phật*" - trích 'Dictionnaire vietnamien chinois francais' của Gustave Hue (1937)

Tá hoa hiến Phật 借花獻佛 (lấy đồ của người này đem tặng kẻ khác, mượn đầu heo nấu cháo ...)

Phật tính thiện tâm, Phật đầu khán phần, Phật đầu trừ phần, Phật đầu gia uế (佛性禪心 佛頭着糞 佛頭著糞 佛頭加穢), *kiến tính thành Phật* 見性成佛 ...v.v...

Qua các cách ghi nhận văn hoá dân gian trên, ta rất khó phân biệt mức độ thâm nhập của hai từ Bụt và Phật - vấn đề sẽ rõ hơn khi đi sâu vào cách đọc và nguồn gốc chữ (Hán) của hai từ này.

2. Các cách đọc hiện tại của Bụt và Phật

Việt Nam Bụt (dân gian) so với Phật (Hán Việt/HV) -

Mường (Bi) put (Bụt), Phât (Phật) - như '*Liênh chùa mà ngó put*' (lên chùa mà xem Bụt)

Gia Rai monuih posêh (Phật)

Khme pút - kêu trời như '*Phật ơi*' là '*pút thô*' (so với trời ơi, chúa ơi, mẹ ơi ... tiếng Việt)

Kờho Phợk - tượng Phật rụp Phợk

Thái พุทฺธ ปู้ด - tượng Phật พระพุทฺธฐูป prá-póot-tá-tá-rôop

Myanmar (Miến Điện) Buda

Lào Phuth - phuthô/phudô (Phù Đồ, Phật Đà)

Nùng Pút

Chăm/Chàm Bhik, Phik (có tài liệu ghi là But⁴)

Bắc Kinh/BK fú, fó, bó (theo pinyin) so với giọng Ngô (Thượng Hải) là voi?, giọng Đài Loan là hut8, fut8 (để ý các phụ âm đầu f, b, v) - giọng Quảng Đông là fat6 fat1 bat6, Hẹ là fut8; giọng Triều Châu (Tiều) là hug8, hug4 (huk)

Nhật butsu, futsu, hotsu ぶつ kanji 仏- Phật còn dùng để chỉ người quá cố (mỹ từ)

Tiếng Nhật có khuynh hướng hầu hoá (glottalisation) phụ âm môi đầu như bèi, bò BK bắc HV > hoku/hai - bó BK bạch HV > haku/byaku – bò/ba BK ba Việt ha/ba Nhật ... Nên có ba dạng biến âm but- fut- và hot- như trên so với giọng Đài Loan

Hàn pwul (pul), phil 佛

Mã Lai/Indô buda

...v.v...

Một nhận xét sơ khởi khi xem bảng so sánh trên là các giọng phía nam Trung Quốc (Quảng Đông, Hẹ, Hán Việt) đều có dạng f- (hay ph-). Chữ Nôm dùng bột 字 (sao chổi) chỉ Bụt trong Cư Trần Lạc Đạo, và 佛 Phật HV cho thấy hai phụ âm b- và f- cùng hiện diện, điều này rất đáng chú ý vì hiện tượng này (hai chữ Bụt và Phật) chỉ có trong tiếng Việt.

3. Các cách đọc cổ hơn

Đi ngược dòng thời gian và dựa vào các tài liệu Trung Quốc như Khang Hy/Tập Vận/Đường Vận, âm Hán trung cổ của **Phật** 佛 là

【唐韻】【集韻】【韻會】【正韻】符勿切，音佛 [Đường Vận][Tập Vận][Vận Hội][Chánh Vận] phù vật thiết, âm **phát**

【集韻】【正韻】蒲沒切，音浮 [Tập Vận][Chánh Vận] bồ một thiết, âm **bột** - dùng như **bật** 同弼 (cũng theo Khang Hy chép lại)

Rõ ràng là có hai cách đọc khác nhau bột và phát/phật thời Đường Tống. Cách đọc phổ thông bây giờ (giọng BK) là fó chứ ít khi là bó (ghi theo bính âm/pinyin).

Đi ngược dòng thời gian xa hơn nữa đến thời Hán, theo Thuyết Văn Giải Tự thì Phật 佛 được Hứa Thận ghi nhận là

4995 見不審也。从人弗聲 kiến bất thị dã - hàm ý không thấy rõ, như cách dùng phảng phát⁵ (仿佛 hay bàng phát 彷彿) mà tiếng Việt còn duy trì âm và nghĩa rất cổ như cách dùng 'hình bóng phảng phát đâu đây, tiếng phảng phát bên tai ...'

Nguồn gốc của chữ Phật cho thấy là loại chữ hình thanh, đúng như Hứa Thận đã nhận xét - tuy ông không ghi nhận nghĩa Phật là Phật Đà (Phật Tổ) trong thời Đông Hán

Seal Characters (chữ triện) - trích từ mạng của tác giả Richard Sears

<http://www.chineseetymology.org/CharacterASP/CharacterEtymology.aspx?characterInput=%E4%BD%9B&submitButton1=Etymology>

佛 佛 佛

Phật 佛

Chữ Phật không có mặt trong kim văn và giáp cốt văn : điều này cho thấy phần nào thời gian đạo Phật nhập vào văn hoá Trung Quốc - không thể trước thời Tần; Tóm lại, các dạng viết chữ (Hán) Phật có khả năng là các chữ tạo ra hay lấy từ dạng có sẵn và dùng để ký âm một tiếng ‘nước

ngoài' (ta sẽ thấy trong phần sau : tiếng ngoại quốc này là tiếng Phạn, tiếng Việt Cổ) nhập vào văn hoá cổ Á Đông.

4. Gốc Phạn ngữ của Bụt và Phật

4.1 Theo Nam Sơn Giới bản sơ thì 'Tiếng Phạn Phật Đà, Phù Đồ ... Có lẽ do lưu truyền sai. Ở đây không phải chỉ người, dịch nghĩa là giác ...'; Còn theo Tông Luân Luận Thuật Ký thì 'Phật Đà, tiếng Phạn, dịch là giác, tùy ý lược bớt chỉ gọi là Phật ...'⁶. Phật Đà là một dạng phiên âm từ tiếng Phạn budh- có nghĩa là biết, ý thức được ... Tiếp vị ngữ (hậu tố/suffix) -a thêm vào động từ budh- cho ra dạng **buddha** बुद्ध nghĩa là đã giác ngộ (past participle, động từ chỉ quá khứ), người đã giác ngộ (dịch là giác giả). Nếu thêm a- vào trước budh- hay là thêm tiền tố (prefix) thì ta có dạng **a-budhá** अबुध là ngu đần; Các dạng liên hệ khác là **bodhi** बोधि (phiên âm HV bò đề 菩提, tiếng Nhật bodai hay satori) là biết lẽ chân chính (dịch nghĩa là chính giác 正覺), **bauddha** बौद्ध giữ trong trí óc (tinh thần) ... Cấu trúc tiếng Phạn (đa tiết) đã ảnh hưởng phần nào đến quá trình thành lập chữ Hán như các cụm từ vô minh, vô ngã, vô lượng, vô thường, vô vi, vô đẳng, vô đạo, vô học, vô hình, vô ngôn, vô ái, vô sinh, vô si, vô tận ...v.v... Với vô dùng như tiếp tố a- nói trên.

4.2 Rõ ràng Phật, Phật Đà là các từ nhập từ tiếng Phạn, cho nên Bụt, bặt, bặt và Phật, Phật chỉ là các dạng biến âm mà âm cổ hơn (gần âm Phạn nhất) là Bụt hay bặt, bặt. Khuynh hướng biến âm từ b thành ph- đã có nhiều học giả bàn đến : từ thời Henri Maspéro (1912, ông nhận xét hiện tượng tách b-ph ở Hán Việt hoàn toàn ăn khớp với quá trình phân hoá phụ âm môi môi và môi răng của tiếng Hán Trung Cổ), tới thời Vương Lực, cũng như Nguyễn Tài Căn⁷ và Lê Văn Quán⁸. Ngoài liên hệ budh- Bụt Phật, ta còn có những liên hệ tương tự chứng tỏ chiều biến âm b > ph như Phạm (Phạn) 梵 là phiên âm của Brahmá (tiếng Phạn) ब्राह्म ; **Phạm/Phạn** còn có các dạng phiên âm khác như Phạm ma, Bặt lam ma, Bà la hạ ma, Một la hám ma, Phạm lâm ma ... Phạm/Phạn⁹ gắn liền với Phật và Ấn Độ như Phạm học là Phật học, Phạm vũ là chùa (thờ Phật, tu viện), Phạm ngôn (kinh Phật), Phạm thổ (nước Ấn Độ), Phạm Hoàng (vua Ấn Độ, Phật Tổ) ... Điều này dễ hiểu vì kinh Phật thường dùng tiếng Phạn. Trong phần này, tiếng Phạn (Sanskrit, so với tiếng Phạn Nam/Pali) dùng như là một thước đo và để so sánh (control sample) vì là một loại tử ngữ (dead language, rất ít người dùng trừ khi đọc kinh và cũng chỉ ở một vài nơi), quan trọng hơn là tiếng Phạn rất ít thay đổi (ngữ âm và ngữ pháp) và ta có khá nhiều dữ kiện để luôn kiểm chứng được cách đọc và viết. Tuy không ghi nhận phật 佛 là Phật Đà/Phật Tổ nhưng Hứa Thận có nhận ra Phạn là dạng phiên âm của đạo Phật (Thích giáo) trong Thuyết Văn Giải Tự

3837 林部: 梵: 出自西域釋書, 未詳意義

3837 Lâm bộ : Phạm/Phạn : xuất tự tây vực thích thư , vị tương ý nghĩa

Âm trung cổ cho thấy Phạn đọc như phàm (buồm) theo Đường Vận : phù phiếm thiết, âm phàm (thật ra kết quả này không làm ta ngạc nhiên vì cấu trúc của chữ Phạm : bộ lâm 林 hợp với chữ phàm 凡 hài thanh).

4.3 **Phá/pha la đoạ** 頗羅墮 hay Phả La Trá là phiên âm của Bharadvaja भारद्वाज : một trong 6 họ Bà La Môn (quí tộc)

4.4 **Phum** ở Nam bộ là làng thôn với lũy tre bao quanh, liên hệ đến phum (tiếng Khme nghĩa là làng). Phumi (phuu^M mi^H) ภูมิภาค tiếng Thái có nghĩa là địa phương, đất, nền nhà; Tiếng Môn Cổ **phùm** là đất, lãnh thổ cũng như tiếng Môn hiện đại, tiếng Chao Bon (Nyah Kur) ... Theo thiên ý, các tiếng phum, phumi có gốc tiếng Phạn **bhumi** भूमि (đất, nền, địa phương, lãnh thổ, nước/quốc gia ...). Bhumi lại có gốc tiếng Phạn là **bhu-** भू (trở thành, trở nên : to become, to grow into). Trong kinh Phật, **bhumi** dịch nghĩa thành địa như Thập địa hay Thập trụ (dasabhumi - 10 giai đoạn bồ tát trở thành Phật), **bhudana** (người chủ đất chia đất mình cho người nghèo) ...

4.5 Liên hệ lịch đại (diachronic) giữa phụ âm môi tắc hữu thanh b- và sát vô thanh ph- rất rõ nét khi so sánh tiếng Việt và Hán Việt

Buông	phóng 放 (phủ vọng thiết, phân phòng thiết - Đường Vận/ĐV) ¹⁰
Buồng	phòng 房 (phủ phương thiết/ĐV)
Bùa	phù
Bù	phù
Búa	phủ
Bụa (goá)	phụ
Bộ	pho
Bê	phá
Bê (biển) ¹¹	pha 陂
Bán, buôn	phán
Buồn	phiền
Buồm	phàm
Bún	Phấn
Bỏ	phế
Bá	phách
Bố/ba	phụ
Bưng	phụng
Bay	phi
Buộc	phọc
Bè	phái (phe)
Bèo	phiêu
Bởi	vị/vì
Bụt	Phật
...v.v...	

Liên hệ đồng đại (synchronic) b-ph cũng hiện diện nhưng ít gặp hơn như

Bông	phông
Bút	phút (<i>phút lông chim</i> - Việt Nam/VN Tự Điển)
Bỏ (cát)	pha (VN Tự Điển)
Bình bịch	phình phịch (từ láy, tượng thanh)
...v.v...	

4.6 Chữ Phật đã được dùng trong Hậu Hán Thư - Tây Vực Truyện 后汉书 - 西域传 :

... 宣称三世十方,到处有佛 / 西方有神,名曰佛 ...

... Tuyên xưng tam thế thập phương , đẩu xứ hữu phật / tây phương hữu thần , danh viết Phật ...

4.6.1 Cũng như các tài liệu trung cổ bên Trung Quốc như Tây Du Ký ...v.v... Có nhiều tranh luận về nguồn gốc của chữ Phật : có học giả cho rằng chữ Phật đơn âm có thể là do cụm từ (đa âm) Phật Đà đơn âm hoá mà thành - xem thêm nguồn ghi ở điểm 4.1 bên trên; Điều này có cơ sở giải thích khi tiếng Phạn đa âm nhập vào tiếng Hán đơn âm thì hiện tượng rút gọn âm có thể xảy ra như tăng già 僧伽 (samgha संघ) trở thành tăng để cho ra các từ kép (chữ Phạn hợp với chữ Hán) như bản tăng, tăng phòng, tăng đồ, tăng lữ, tăng vật, tăng chúng, tăng thống ... Cù Đàm 瞿曇 (Go-tama गोतम) còn gọi tắt là Cù như trong cách dùng Cù Lão; Thiền na 禪那 (dhyana ध्यान) gọi tắt là thiền như trong các cách dùng thiền định, thiền môn, thiền kinh, thiền trượng ... Bát là tên gọi tắt của bát đa la 鉢多羅 (pâtra पात्र) và dùng trong các từ ghép y bát, ngoã bát, phạn bát, chúc bát ... (bát đã mở rộng nghĩa chỉ cái tô, cái chén ...); Thích là tên gọi tắt của Thích Ca/Già 釋迦 (sâkya शाक्य) và các cách dùng như Thích giáo (đạo Phật), Thích môn, Thích điển, Thích tử (Phật tử, đệ tử của đức Phật); Sám 懺 là tên gọi tắt của sám ma (kshamá क्षम kiên nhẫn) dùng trong cụm từ sám hối 懺悔 (chữ Phạn sám hợp với chữ Hán hối), sám ma 懺摩, sám pháp 懺法, sám nghi ...v.v...

4.6.2 Ngược lại với giả thuyết Phật Đà có trước Phật như trên, một số học giả đề nghị Phật có trước hay cùng thời với Phật Đà vì qua các con đường (nhập vào Trung Quốc) khác nhau. Thí dụ như qua trung gian các ngôn ngữ vùng Trung Á; Đề nghị này khá hấp dẫn vì con đường tơ lụa (丝绸之路, Ti Trù Chi Lộ/Silk Road) đã tạo cơ hội cho nhiều hoạt động và giao lưu văn hoá, tôn giáo, thương mại thời cổ đại. Nhà Phật Học Quý Tiến Lâm (1996) đã chứng minh rằng trong văn tự Hồi Hột, tiếng Phạn đa âm Buddha đã biến thành trắc âm Bụt, điều này cũng được tác giả Huỳnh Ngọc Chiến¹² ghi nhận rõ ràng trong bài viết "Từ Buddha đến Phật và Bụt". Ngoài ra kết quả nghiên cứu của 'GS Chen' cho thấy thời Hán từ song tiết Phật Đà không phổ thông so với từ đơn tiết Phật : điều này có thể là chữ Phật được dịch trực tiếp từ kinh Phạn địa phương và nhập trực tiếp vào Trung Quốc. Cũng như đề nghị của GS Sylvain Lévi (1913)¹³, kinh Phạn địa phương có thể là từ các nước Trung Á, và phù hợp với bài viết đăng trên mạng - xem thêm http://www.chibs.edu.tw/publication/LunCong/004/19_36.htm . Từ đơn tiết Phật, tuy nhập vào tiếng Hán (CỔ) qua ngã khác nhưng giản tiện hơn so với cụm từ Phật Đà, do đó càng ngày càng trở nên phổ thông.

4.6.3 Có thể Phật giáo đã đến Việt Nam trước khi truyền đến Trung Quốc không? Đây là một giả thuyết rất khác biệt với 'niềm tin' của đa số người cho rằng Phật giáo truyền từ Trung Quốc đến Việt Nam. Hãy xem lại các dữ kiện :

- Bụt (không thấy dùng Bụt Đà) trong văn hoá dân gian luôn chỉ người hiền lành hay Phật (tích cực, phù hợp với nghĩa nguyên thủy của buddha, rất khác với Phật của tiếng Hán; Phật đọc như phật với nghĩa tiêu cực như không, trái ý ... 'phật lòng' hay Bật hay Bọt (chợt) : điều này cho thấy **người Hán không hiểu nghĩa của Bụt khi nhập vào tiếng Hán và chỉ 'nhái' lại theo âm mà thôi**. Âm Bụt (chữ Nôm dùng bụt 孛) gần với âm Phạn Buddha nhất trong các ngôn ngữ vùng

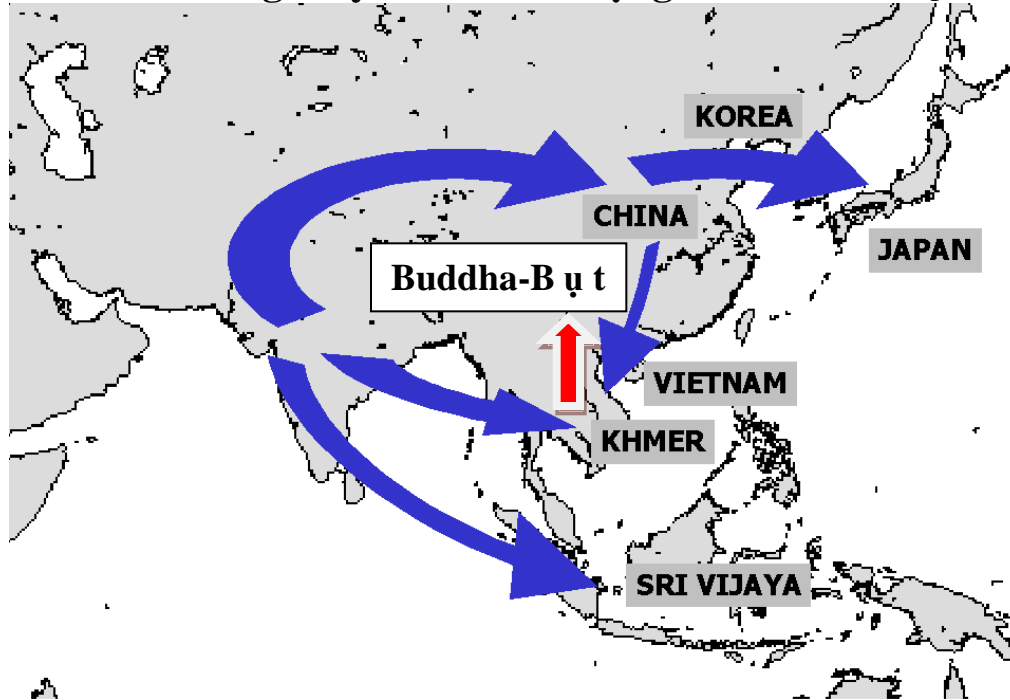
Đông Nam Á, các nền văn hoá này đã từng vay mượn chữ và ý này từ đạo Phật như bảng so sánh bên trên. Các ngôn ngữ láng giềng như Thái, Lào, Khme, Chăm ... vẫn còn dạng **đơn âm** Bụt/Phut cũng như tiếng Mường (Bi) và Việt. Các cách dùng Bụt, Phật (với hai nghĩa khác nhau như phật lòng, phật ý so với đức Phật) và phù đồ trong văn hoá dân gian là bằng chứng cho thấy dạng cổ Bụt khó có thể đảo thải tuy sức ép của tiếng Hán rất là nặng nề qua bao ngàn năm đô hộ và đồng hoá. Nếu Bật 勃 và Bật Đà 勃陀 được dùng trong vốn từ tiếng Hán¹⁴ (thay vì Phật hay Phật Đà) cho đến ngày nay thì nguồn gốc Bụt hay Phật không khó giải quyết, nhưng chính vì các biến âm của dạng Phật (xem bảng liệt kê cuối bài) mà ta có thể đặt lại vấn đề. Cách dùng Bụt như Bồ Tát (hiền/lành như Bụt) trong tiếng Việt đã duy trì nghĩa nguyên thủy của bồ (bodh- âm Phạn, trí tuệ - một dạng của budh- biết/hiểu giác ngộ) trong các dạng phiên âm Bồ Tát 菩薩, bồ đề 菩提. Người Hán dùng bồ chỉ là phiên âm trực tiếp (transliteration) chứ không hiểu là các dạng **bồ bật Bụt Phật** đều cùng một gốc! Khuynh hướng biến âm rất tự nhiên theo dòng thời gian (lịch đại) làm cho ta rất khó nhận ra nguồn gốc các âm trên : đến ngay cao đệ của Pháp Sư Huyền Trang là Khuy Cơ còn nhận xét rằng '*Phạn văn Bật Đà, ngọa lược vân Phật*'.

- sự có mặt của chữ Bụt dùng bật khá rõ nét trong các tài liệu chữ Nôm xưa như Phú Dạy Con (Mạc Đĩnh Chi 1280-1350), Cư Trần Lạc Đạo (vua Trần Nhân Tông 1258 – 1308), Vịnh Vân Yên Tự (Hoà Thượng Huyền Quang, 1300) ... Cho tới thời tự điển Việt Bồ La (Alexandre de Rhodes, 1651) vẫn còn thông dụng như chữ Phật, nhưng càng ngày càng ít dùng đi và thay bằng chữ Phật. Điều này cho ta cơ sở đặt ra giả thuyết Bụt đã từng được dùng (phổ thông) ở Việt Nam thời đầu công nguyên. Ảnh hưởng sâu đậm về sau từ văn hoá ngôn ngữ Hán (nhất là từ thời Đường Tống phản ánh qua âm trung cổ Phật còn duy trì trong tiếng Việt) làm mờ nhạt tuy không thể nào xoá hẳn (dù vô tình hay cố ý) các vết tích và đóng góp của phương Nam vào văn hoá Cổ Á Đông mà ít người ý thức được.

- quan trọng hơn cả là biến âm b > ph như đã ghi nhận bên trên, và do đó có khả năng buddha nhập vào tiếng Việt (Cổ) thành *bud- trước, sau đó nhập vào tiếng Hán thành Bật, Bật và Phật, Phật (âm Hán Trung Cổ). Âm Phật lại nhập ngược vào tiếng Việt có hệ thống từ thời Đường Tống cũng như đa số các tiếng Hán Việt khác : quá trình nhập ngược (back-loan) này tương tự như tên gọi 12 con giáp tuy xảy ra trễ hơn. Cư sĩ Tâm Hà Lê Công Đa cũng từng viết về khả năng Phật giáo đến Việt Nam trước (chứ không phải từ Trung Quốc qua) - xem chi tiết bài viết trên mạng <http://www.daophatngaynay.com/english/vietnam/country/005-VietnameseBuddhism.htm> ; Học giả Lê Mạnh Thát cũng đề nghị Phật giáo đã đến Việt Nam khoảng thế kỷ thứ III hay thế kỷ thứ II trước công nguyên - xem thêm tài liệu trên mạng <http://www.thuvienhoasen.org/u-lspgvn1.htm> ; Tác giả Nguyễn Lang thì cho rằng khoảng đầu công nguyên thì Phật giáo đến Việt Nam (trung tâm Luy Lâu) - xem chi tiết trên mạng <http://www.thuvienhoasen.org/vnphatgiaosuluan1-01.htm> . Xem thêm tóm tắt về lịch sử Phật Giáo Việt Nam trên mạng http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_%C4%91%E1%BA%A1o_Ph%E1%BA%ADt_Vi%E1%BB%87t_Nam

Các giả thuyết trên về Phật, Phật Đà và Bụt là những đề tài rất lý thú cần được nghiên cứu cẩn thận và nhiều dữ kiện (xuất thổ)¹⁵ để thêm sức thuyết phục; Chúng nằm ngoài phạm vi của bài viết (phần 1) này. Điều cho ta thấy rõ ràng là từ các dữ kiện trên, Bụt là dạng cổ (có trước) hơn Phật (âm Hán trung cổ) tuy cùng một gốc tiếng Phạn, rất phù hợp với quá trình biến âm tự nhiên của ngôn ngữ.

Các con đường truyền bá của Phật giáo (trích từ vi.wikipedia)



5. Phụ chú và phê bình thêm

Để dễ cảm nhận các ý từ bài viết nhỏ này hơn, người đọc nên xem các bài viết sau đây, xem phần phụ chú này cho các tài liệu đã trích dẫn

- "Từ Buddha đến Bụt và Phật" tác giả Huỳnh Ngọc Chiến¹²
- "Bụt hay Phật" tác giả Phạm Mạnh Lương - Tạp Chí "Thế kỷ 21" số 129 (1/2000)
- "Bụt hay Phật" tác giả Nguyễn Trọng Phu - Tạp Chí "Thế kỷ 21" số 123 (7/1999)
- "Danh Từ Bụt" - Sư Cô Chơn Không (Lá Thư Làng Mai Số 25 12/2/2002) - đăng trên mạng Thư Viện Phật Giáo Hoa Sen
- "Phật" trên mạng vi.wikipedia địa chỉ <http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt>
- Chữ Đồng Tử, một trong Tứ Bất Tử, học đạo với sư Phật Quang, đọc thêm chi tiết trên mạng http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AD_%C4%90%E1%BB%93ng_T%E1%BB%AD hàm ý là đạo Phật đã có mặt tại Việt Nam thời vua Hùng

1) từ thời đại tiến bộ và văn minh hơn, nhiều tài liệu (sách vở, phương tiện truyền thông) về ngôn ngữ trở nên phong phú và chính xác hơn ... Nên khả năng phân tách dữ kiện thấu nhận khách quan hơn so với trước đây : Ngôn Ngữ Học thường là một phân của Văn Học, Triết Học ...

2) trích từ cuốn "An Introduction to Historical Linguistics" tác giả Terry Crowley - University of Papua New Guinea Press (1987). Định luật Grimm giải thích rất nhiều trường hợp tương ứng giữa

các ngôn ngữ La Tinh, Hy Lạp, Anh, Pháp ... Nhưng có một số ít trường hợp trong nhánh Germanic phụ âm **t** lại không tuân theo luật **t > θ** (vô thanh) mà lại thành ra **d** (hữu thanh) như

pater (cha, tiếng La Tinh) **fadar** (cha, tiếng Gothic) **father** (cha, tiếng Anh)
cutis (da thú, tiếng La Tinh) **hide** (tiếng Anh) **Haut** (tiếng Đức)
...v.v...

Karl Verner (1875) đã bổ túc cho luật Grimm thêm hoàn hảo với nhận xét là các phụ âm vô thanh như p, t, k, s có thể biến thành phụ âm hữu thanh b, d, g, z/r nếu nguyên âm đi trước chúng là trọng âm (stressed vowels). Từ đó ta có thêm định luật Verner (Verner's law, Second Consonant Shift) về biến âm trong ngữ hệ Ấn Âu. Khả năng thuyết phục của các định luật âm thanh này cao đến nỗi trong ngôn ngữ học còn lưu truyền câu nói *'luật âm thanh không có ngoại lệ'* (sound laws are without exceptions/die Ausnahmslosigkeit der Lautgesetze). Các luật âm thanh Grimm và Verner đều có thể giải thích được dạng budh- Phạn so với bụt và Phật và fó fú bó BK (giọng BK Ngô có khuynh hướng bỏ mất phụ âm cuối) thuộc ngữ hệ Nam Á và Hán Tạng. Học giả Arne Østmoe đã từng nêu ra nhận xét là luật Grimm có thể đã hiện diện trong một số chữ Thái (Cổ, proto Tai-Kadai) mượn từ tiếng Germanic, cũng như qua tiếng Hán (Cổ) - xem bài viết "A germanic-Tai Linguistic Puzzle" của Arne Østmoe trong tập Sino-Platonic Papers, 64 (January 1995).

3) mức độ phổ thông của thành ngữ này phản ánh qua cách dùng trong tiếng Việt : ngay cả một người không biết chữ (chưa kể đến việc biết chữ Hán, Nôm ...) mà vẫn thấy dùng thành ngữ *khẩu Phật tâm xà* này rất là 'chuẩn'

4) theo "Tự Điển Đồng Nguyên Việt & Đông Nam Á" Nguyễn Hy Vọng (California, 2006)

5) còn có nghĩa là giống như, tựa(a) hồ (as if, be alike) trong tiếng Hán - tiếng Việt không ai nói *"cô ấy làm việc phẳng phất như không biết mệt"*. Ngoài ra âm cổ của Phật 佛 thường được ghi nhận trong các tự điển Trung (Hoa) là

古代音韻與現代拼音對照 **Cổ đại âm vận dữ hiện đại bính âm đối chiếu**

[廣 韻]	符弗切,入 8 物,fú,臻合三入文並
[Quảng Vận]	phù phát thiết , nhập 8 vật ,fú, trần hiệp tam nhập văn tịnh
[平水韻]	入聲四質 • 入聲五物
[Bình thủy vận]	nhập thanh tứ chất _ nhập thanh ngũ vật
[唐 音]	bhiət
[Đường âm]	bhi?t - để ý âm thời Đường có dạng *biết (so với biết tiếng Việt)
[國 語]	fó,fú
[Quốc ngữ/BK]	fó,fú
[粵 語]	bat6fat1fat6

[Việt ngữ] bat6fat1fat6

[閩南語] hut8,put8

[Môn Nam ngữ] hut8,put8

trích từ <http://tool.httpcn.com/Html/KangXi/21/PWAZKOCQUYILFUYB.shtml>]

Các cách viết cổ (dị thể) của chữ Phật - trích từ tự điển dị thể trên mạng
<http://dict.variants.moe.edu.tw/eng.htm>

仏 𡗗 𡗘 佛 𡗙 𡗚 𡗛 均 𡗜 𡗝 𡗞 𡗟

...v.v...

Chữ Phật 佛 này là phổ thông nhất trong các cách viết với tần số dùng là 108885 trên 434717750 (so với chữ nhất 一 rất thông dụng với tần số dùng là 6336632 trên 434717750).

6) trích "Từ Điển Phật Học Hán Việt" NXB Khoa Học Xã Hội - Hà Nội (1998). Chỉ có một cụm từ bud-dha 𡗗 của tiếng Phạn mà ta có các dạng phiên âm và phiên nghĩa liên hệ như liệt kê dưới đây (xem thêm chi tiết từ các trang mạng <http://www.acmuller.net/soothill/soothill-hodous.html> hay <http://zh.wikipedia.org/wiki/%E4%BD%9B>)

Bộ Đa 部多

Bộ Đà 部陀

Bột Đà 勃陀/勃馱/辭陀

Bộ Tha 步他

Hưu Đồ 休屠

Mẫu Đà 母陀

Một Đà 沒馱/沒陀

Phật Đà 佛陀/佛馱

Mẫu đà 母陀

Phật 佛

Yêu 佻

Phật Đồ 佛圖

Phí Đà 沸馱

Phù Đà 浮陀

Phù Đầu 浮頭

Phù Đồ 浮屠/浮圖

Phù Tháp 浮塔

Phục Đậu 復豆
Vật Tha 物他
Vô Đà 毋陀
Giác giả 覺者
Giác ngộ giả 覺悟者
...v.v...

Đây là không kể các từ phiên âm từ tiếng Phạn khác như Già Phạm (Bà Già Phạm, một trong các danh hiệu của đức Phật) ... Hay các dạng dịch nghĩa như Giác Hoàng, Giác Vương, Nhân Vương, Ngưu Vương, Tri Già, Giác, Trí ... Hay những tên gọi khác của Phật như Như Lai, Đại Giác ...v.v...

Các dạng phiên âm trên đều tuân theo định luật vật lý (âm thanh) nhất định như b/ph-v-m (phụ âm đầu) chứ không phải là ngẫu nhiên thành hình! Bảng tóm tắt trên giải thích được phần nào hiện tượng vốn từ Hán tăng vọt khi tiếng Phạn (qua kinh Phật, đạo Phật) nhập vào văn hoá Trung Quốc. Ngoài ra các cách phiên âm tiếng Phạn buddha như trên còn phản ánh các cách đọc địa phương (yếu tố không gian/địa lý) và sự thay đổi về cách đọc qua những thời đại (yếu tố thời gian).

Chữ **già** 伽 cũng dùng để chỉ Phật đặc biệt trong tiếng Nhật - có thể đây là trường hợp mở rộng nghĩa của các dạng phiên âm tiếng Phạn như tăng già, già lam, na già ... Còn một chữ nữa để chỉ Phật là **yêu** 佻 (jiu2 giọng Quảng Đông, yao3 giọng Bắc Kinh bây giờ - 於兆切, 音夭 u triệu thiết, âm yêu - theo Quảng Vận, Tập Vận - trích Khang Hy - yêu còn cách đọc nữa là fó BK hay PHẬT) : đây cũng là một trong nhiều dị thể của chữ Phật như 仏 (xem bảng các chữ dị thể của chữ Phật ở trên). Yêu mang nghĩa tiêu cực như yếu đuối, méo mó, cong vẹo ...v.v... Có thể yêu/Phật 佻 là dạng phiên âm Bụt của Mân Việt (gồm các giọng Triều Châu/Tiêu hay một phần ở Quảng Đông, một phần Hải Nam, Đài Loan); Giọng Mân Việt có khuynh hướng hầu hoá (âm b/p thành h) nên Bụt trở thành hut8 - hay đọc như húc 旭 hiok8 (Triều Châu). Theo Ngọc Thiên 玉篇 thì 佻 : 乙小切, 旭也 ất tiểu thiết, húc dã ... Cách dùng chữ húc cũng có cơ sở giải thích dựa vào phạm trù nghĩa của húc : ánh sáng mặt trời khi mới ló dạng (chỉ đức Phật hay đấng giác ngộ, hết vô minh ...). Các dạng đọc phương Nam như Bụt Bụt Hut8 ... đều bị đào thải để thay bằng âm Phật (fó BK). Chữ yêu 佻 (Phật) có mặt trong Phật Thuyết Đại Báo Ân Trọng Kinh, Phan Trần truyện, Thiên Nam Ngữ Lục ... cho đến thời Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương. Theo ý kiến bạn Nguyễn.Ng trên diễn đàn Viện Việt Học (10/8/2009) thì yêu 佻 có thể là một dạng phiên âm của Gautama hay Kiêu Đáp Ma 喬答摩 giản thể 乔答摩. Đề ý kiêu 嬌 có nghĩa là mềm mại (so với éo lá, yêu/yêu 佻). Nguồn gốc chữ này và tại sao lại hiện diện rất sớm trong giai đoạn hình thành chữ Nôm rất đáng chú ý và cần được nghiên cứu thêm để soi sáng quá trình cấu tạo chữ Nôm cũng như đóng góp của phương Nam vào vốn từ Hán (Cổ).

7) GS Nguyễn Tài Cẩn ghi nhận biến âm b > ph trong cuốn "Một số vấn đề chữ Nôm" trang 99, 104 ... NXB Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp (Hà Nội - 1986); Trong cuốn "Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt" trang 137, 178 ... NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội (bản in 2004).

8) GS Lê Văn Quán ghi nhận biến âm b > ph, và còn khẳng định buồm là âm cổ của phàm 帆 mà ta không biết (tuồng đọc theo nghĩa)... trong cuốn "Nghiên cứu về chữ Nôm" trang 110 ... NXB Khoa Học Xã Hội (Hà Nội 1981).

9) **phạm/phạn** 梵 nghĩa nguyên thủy là cây cỏ sinh tươi (phồn thịnh). Từ thời đạo Phật nhập vào Trung Quốc thì nghĩa này bị đào thải và đổi thành tên nước Ấn Độ, Phật giáo, thanh tịnh, tụng (niệm Phật) ... Tương tự như trường hợp chữ Phật, nghĩa nguyên thủy đã mất đi sau khi được dùng làm ký âm tiếng Phạn. **Bồ** 菩 nghĩa nguyên thủy là một loài cỏ (Thuyết Văn Giải TỰ), được dùng để phiên âm trong kinh Phật; Thí dụ như Bồ tát 菩薩 là tên viết tắt của Bồ-đề-tát-đóa 菩薩薩埵 (phiên âm tiếng Phạn bodhisattva बोधिसत्त्व). Phật 佛 nghĩa nguyên thủy là giúp, phụ (như bát 弼, trích "Tứ Nguyên", Bắc Kinh, NXB Thương Vụ Ấn Thư Quán, 2004), nhưng từ khi Phật giáo nhập vào Trung Quốc thì chữ này được dùng để ký âm Phật (Đà) và nghĩa cổ hơn từ từ đào thải đồng thời với sự bành trướng của đạo Phật.

10) Thời Đông Hán, hai âm phóng và phòng đọc giống nhau (giống âm phương) - như Hứa Thận đã ghi nhận trong Thuyết Văn Giải TỰ

Phòng 室在旁也從戶方聲 Thất tại bàng dã tòng hộ phương thanh
Phóng 逐也從支方聲 Trục dã tòng phốc/phác phương thanh

11) **Bê** (biển) là một trường hợp cho thấy âm trung cổ vẫn còn duy trì phụ âm môi tắc b/p nhưng khi nhập vào tiếng Việt thì theo khuynh hướng trở thành ph-. Bê là âm cổ hơn so với pha HV 陂 (theo HV Tự Điển của Nguyễn Văn Khôn, Thiệu Chử ghi thêm các dạng bi, bí). Âm trung cổ của pha là [Đường Vận] bì vi thiết [Tập Vận] [Vận Hội] ban mi thiết [Chánh Vận] bô my thiết; Các giọng BK, Ngô, Hẹ, Quảng Đông ... vẫn duy trì phụ âm đầu b/p; Chỉ có âm HV là pha và âm (Hán) Hàn là phi, âm (Hán) Nhật là ha, hi (hầu hoá). Pha còn cho ra dạng phá và trở thành bất tử qua ca dao

*Thương em anh cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang*

Bình 平 (píng BK) có các cách đọc trung cổ

[Đường Vận] phù bình thiết [Tập Vận] [Vận Hội] bô bình thiết [Chánh Vận] bô minh thiết : âm bình ... [Vận Hội] bì mệnh thiết , âm bệnh (音病). Các giọng BK, Ngô, Hẹ, Quảng Đông ... vẫn duy trì phụ âm đầu p; Các biến âm của bình là bằng, phẳng (b>ph) cũng như âm (Hán) Hàn phyeng, âm (Hán) Nhật đã hầu hoá thành hei, hyou (nhưng đôi lúc vẫn còn dùng dạng ben) - tiếng Thái vẫn duy trì phụ âm đầu môi tắc hữu thanh b qua dạng baen ๒๒๒๒ . Tác giả Axel Schuessler trong "ABC Etymological Dictionary of Old Chinese" (2007) phục nguyên âm thượng cổ của bình là ***brenɡ** so với một dạng cổ khác là ***bieng**

[上古音]: 耕部并母, **bieng**

<http://tool.httpcn.com/Html/KangXi/25/PWILCQMERNUYEMEKO.shtml>]

Cách dùng từ ghép **bằng phẳng, buồn phiền, bè phái** ... đáng chú ý vì thứ tự chữ (chính trước phụ sau) cũng là cánh cửa hé mở cho thấy phụ âm b- hiện diện trước phụ âm ph- (không nghe ai nói phẳng bằng, phái bè hay phiền buồn cả)

Các dữ kiện này cũng chứng tỏ tương quan b-ph và chiều biến âm từ phụ âm b- thành ra phụ âm ph-

12) Bài viết "Từ Buddha đến Bụt và Phật" của tác giả Huỳnh Ngọc Chiến đăng trên mạng talawas (25/7/2008) ghi lại nguồn tài liệu "Phật giáo học thuật luận văn tập" tác giả Quý Tiến Lâm, NXB Đông Sơn xuất bản xã, Đài Bắc (1996). Hồi Hột là tên gọi một nước (616-840) ở phía bắc Trung Quốc, giúp nhà Đường dẹp loạn An Lộc Sơn ... Hồi Hột 回紇 chỉ là một tên gọi (chủng tộc Urghur) trong nhiều tên gọi khác như Hồi Cốt, Ô Hột, Ô Hột, Vị Hột, Dụ Cốt, Đinh Linh, Thiết (Sắt) Lạc, Viên Hột, Uý Ngột Nhi Đẳng, Đuy Ngô Nhĩ ...v.v... Các học giả TQ thường có 'khuyh hướng' khảo sát nguồn gốc tên Phật, 12 con giáp ... từ phương tây (thạch động Đôn Hoàng) hay phương bắc (Hồi Hột) vì nhiều lý do!

13) Bài viết bằng tiếng Anh chứng minh từ đơn tiết Phật và song tiết Phật Đà nhập vào Trung Quốc qua các ngã khác nhau, dựa vào tài liệu lịch sử và kinh Phật; Chủ đề bài viết là "On the oldest Chinese transliterations of the name Buddha"

14) Bột 勃 đọc là bó, bèi (giọng BK), but6 (giọng Quảng Đông), put8 (Hạ, Đài Loan), pud8 [khách ngữ bính âm tự vị] ... So với âm (Hán) Hàn pal, âm (Hán) Nhật bitsu, hotsu. Bột nghĩa là chọt, thốt nhiên, đột nhiên, bùng lên ... 'Bất thành linh', 'bất chọt' - theo thiên ý bất là một dạng biến âm của bột; Không phải ngẫu nhiên mà hốt 忽 (âm vật) cũng có nghĩa là bất chọt. Bồng bột nghĩa nguyên thủy là bùng lên (lên ùn ùn, bùng lên rực rỡ xanh tươi) nhưng tiếng Việt hiện tại lại mang nghĩa hơi khác (làm việc không suy nghĩ cẩn thận).

15) như tháp tưởng niệm hai vị sư Sona và Uttara (vua A Dục/Asoka 阿育王 gọi đi hoàng pháp, thế kỷ thứ III trước công nguyên) ở Hải Phòng; Bia Võ Cảnh viết bằng chữ Phạn ở Nha Trang (thế kỷ thứ II); Các di tích tìm thấy ở Ốc Eo, Sa Huỳnh ... đều cho ta kết luận rằng lãnh thổ Việt Nam đã từng là khu vực nhộn nhịp giao thương với Ấn Độ vào thời Hán.